

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2019/HS-ST

Ngày: 27/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lều Văn Khế và bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2019/TLST-HS ngày 13/11/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HS ngày 14/11/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Anh T**, sinh năm 1997 tại: phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Ngách PL, ngõ XS, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T1, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1972; Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 05/3/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Chị Bò Thị H, sinh năm, 1996 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã DC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Bò Văn H1. Có mặt.

- Bà Đào Thị Hồng G. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐQ, xã DC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Trần Thị Th. Có mặt.

Địa chỉ: Ngách PL, ngõ XS, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

- Anh Phạm Văn T2. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn GN, xã HTM, huyện AT, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Lâm Đức T3. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số N đường CD, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 09/01/2019, Trần Anh T (có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 89B1-722.65 chở anh Lâm Đức T3 đi dự sinh nhật bạn. Quá trình dự sinh nhật, T và T3 có uống rượu. Kết thúc buổi sinh nhật, T điều khiển xe mô tô biển số 89B1-722.65 chở T3 về nhà. T điều khiển xe mô tô đi trên đường NVL theo hướng từ CG về quảng trường thành phố H với tốc độ khoảng 60 - 70 Km/h. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi đến khu vực ngã tư giao nhau giữa đường NVL và đường HTLO. Đến Km số 33 + 700 quốc lộ 39A đường NVL, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên T đã điều khiển xe mô tô biển số 89B1-722.65 đâm vào phía sau xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 89E1-176.34 do chị Bò Thị H điều khiển đi cùng chiều liền phía trước xe của T. Khiến cho chị H, T và T3 cùng bị ngã xuống đường. Sau khi xảy ra va chạm, T và T3 đứng dậy tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy khỏi hiện trường. Hậu quả: chị H bị đa chấn thương, chấn thương sọ não phải cấp cứu tại bệnh viện hữu nghị Việt Đức và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên, Bệnh viện đa khoa Hưng Hà; T và T3 bị xây sát, xước da chảy máu; hai xe mô tô bị hư hỏng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường (kèm theo sơ đồ, bản ảnh hiện trường), xác định: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đường NVL, phường HN, thành phố H được trải nhựa bằng phẳng, là đường một chiều, lòng đường rộng 18m, được phân chia 4 làn đường xe chạy, ở giữa có dải phân cách cố định bằng bê tông phân chia 2 chiều đường riêng biệt, phía Đông là lòng đường NVL hướng đi huyện TL, phía Tây là vỉa hè và dãy nhà dân sinh, phía Nam là hướng đi vòng xuyên CG, phía Bắc là hướng đi vòng xuyên bưu điện tỉnh Hưng Yên. Quy ước: C1 là dấu vết cày, M2 là dấu vết máu, V3 là dấu vết vỡ; Lấy mép bên phải đường NVL theo chiều từ vòng xuyên CG đi vòng xuyên bưu điện tỉnh là mép đường chuẩn, lấy chân cột đèn chiếu sáng số 28/56 trên vỉa hè đường NVL bên mép đường chuẩn là điểm mốc cố định. Từ điểm mốc cố định cách 31m là điểm đầu C1, C1 có chiều từ Nam về Bắc, có kích thước (5,2 x 0,02)m, đầu C1 cách mép đường chuẩn 13,5m, điểm cuối C1 cách mép đường chuẩn 14,3m, điểm cuối C1 trùng với trục giữa xe mô tô biển số 89E1-176.34. Đầu xe mô tô hướng về vòng xuyên CG, đuôi xe hướng về vòng xuyên bưu điện tỉnh, trục trước bánh xe mô tô này cách mép đường chuẩn 14,6m, trục sau bánh xe mô tô này cách mép đường chuẩn 14,4m. Cách trục sau bánh xe mô tô 89E1-176.34 72,5m về hướng Bắc là tâm vết M2, vết M2 không rõ hình, kích thước (0,5 x 0,2)m, tâm M2 cách mép đường chuẩn 6,5m. Cách tâm M2 9,6m về phía Bắc là tâm của vết V3, V3 có kích thước (0,2 x 0,3)m, tâm V3 cách mép đường chuẩn 4,5m.

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 89B1-722.65 thể hiện: Tại vị trí cánh yếm bên trái phía trước người điều khiển bị vỡ mất miếng để lộ các hệ thống dây điện, máy bên trong, trên bề mặt để lại tạp chất màu nâu dạng máu, kích thước (60 x 44)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 49cm; tại vị trí điểm đầu trục bánh trước bên trái người điều khiển có vết mài xước kim loại, trên bề mặt còn để lại tạp chất màu trắng đục, kích thước (1 x 1)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 28cm; tại vị trí ốp nhựa sườn xe phía sau bên trái người điều khiển có vết mài xước nhựa không rõ hình, chiều từ dưới lên trên, kích thước (11 x 3)cm, trên bề mặt còn để lại tạp chất màu trắng đục, điểm thấp nhất cách mặt đất 73cm; tại vị trí giá đỡ chân bên trái phía trước người điều khiển có vết mài xước kim loại, bột nẩy cao su, trên bề mặt còn để lại tạp chất màu nâu (dạng máu), không rõ hình, chiều từ dưới lên trên, kích thước (13 x 4)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 26cm; tại vị trí cần số bên trái người điều khiển bị cong gập, không rõ hình, chiều từ trái sang phải; tại vị trí giá đỡ chân bên trái phía sau người điều khiển bị mài xước gãy rời khỏi vị trí ban đầu, trên bề mặt còn để lại tạp chất màu nâu (dạng máu) không rõ hình, chiều từ dưới lên trên, kích thước (5 x 3)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 37cm.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 89E1-176.34 thể hiện: Tại vị trí thanh kim loại bảo vệ máy bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu; tại vị trí ốp nhựa bảo vệ máy bị vỡ mất miếng rời khỏi vị trí ban đầu, không rõ hình, không rõ chiều, kích thước (13 x 14)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 25cm; tại vị trí mặt ngoài bên phải nóc máy có vết mài xước kim loại, không rõ hình, có chiều từ sau về trước, kích thước (7 x 1)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 31cm; tại vị trí giá đỡ chân bên phải phía trước người điều khiển bị cong gập mất miếng đệm cao su để lộ thanh kim loại bên trong, không rõ hình, chiều từ sau về trước, điểm thấp nhất cách mặt đất 17cm; tại vị trí cần khởi động bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu; tại vị trí bộ xe có vết mài xước kim loại, bẹp lõm không rõ hình, chiều từ sau về trước, từ ngoài vào trong, kích thước (40 x 6)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 28cm; tại vị trí giá chắn bùn gắn biển kiểm soát bị vỡ rời khỏi vị trí ban đầu, không rõ hình, không rõ chiều, kích thước (15 x 5)cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 67cm.

Phiếu kết quả xét nghiệm sinh hóa máu về Etanol hồi 05 giờ 23 phút ngày 10/01/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên đối với Trần Anh T xác định: Nồng độ etanol là 19,4 mmol/L (Quy đổi theo Quyết định số 933/QĐ-BYT ngày 23/3/2010 của Bộ Y tế quy định về đo nồng độ cồn (Etanol) trong máu áp dụng trong các bệnh viện là $= 19,4 \text{ mmol/L} \times 4,608 = 89,3952 \text{ mg/100mL}$).

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích số 17/2019/TgT ngày 01/02/2019 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Hưng Yên kết luận: Tại thời điểm giám định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên của chị H là 97%. Do thương tích của chị H chưa ổn định nên đề nghị Cơ quan Trung cầu giám định cho chị H giám định bổ sung sau khi điều trị ổn định.

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích bổ sung số 177/2019/TgT-BS ngày 21/10/2019 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Hưng Yên kết luận: Tại thời điểm

giám định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của chị H là 95%. Cơ chế hình thành thương tích là do va đập với nền cứng hoặc vật cứng gây lên.

Đối với thương tích của anh Lâm Đức T3, anh T3 trình bày sau khi xảy ra vụ tai nạn, anh T3 chỉ bị xây xát nhẹ, đến nay thương tích đã bình phục hoàn toàn nên đã từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra sau vụ tai nạn ngày 09/01/2019. Do đó, không có căn cứ để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với anh T3.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn xanh, xám, đen biển số 89B1-722.65; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 89E1-176.34 và giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cấp cho Trần Anh T.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 07/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận tổng trị giá tài sản bị thiệt hại của xe mô tô biển số 89E1-173.64 là 533.000 đồng; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn xanh, xám, đen biển số 89B1-722.65 trị giá 37.592.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 89E1-176.34 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1993, trú tại xã LK, huyện KC, tỉnh Hưng Yên. Năm 2013, anh H đã bán cho một nam thanh niên ở KĐ. Sau đó, anh An Quốc B, sinh năm 1980, trú tại thôn TH, xã PT, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên đã mua lại chiếc xe nêu trên và đến ngày 21/01/2017 anh B đã bán lại chiếc xe này cho chị H. Ngày 19/6/2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố H đã trao trả chiếc xe nêu trên cho ông Bỏ Văn H1 là bố đẻ của chị H.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 89B1-722.65 đăng ký mang tên Trần Anh T.

Về vấn đề trách nhiệm dân sự:

Chị H yêu cầu Tuấn phải bồi thường cho chị H số tiền 63.000.000 đồng tiền chị H bị mất thu nhập trong 09 tháng điều trị thương tích và số tiền 100.000.000 đồng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần. Ông Bỏ Văn H1 yêu cầu Tuấn phải bồi thường cho ông H1 số tiền 232.000.000 đồng tiền chi phí điều trị cho chị H và số tiền 25.000.000 đồng là thu nhập của ông H1 bị mất trong 05 tháng chăm sóc cho chị H. Bà Đào Thị Hồng G yêu cầu Tuấn bồi thường số tiền 34.200.000 đồng tiền bà G bị mất thu nhập trong 09 tháng chăm sóc cho chị H. Bị cáo T đã tác động đến gia đình và được bà Trần Thị Thuỷ bồi thường hộ số tiền 35.000.000 đồng tiền điều trị thương tích cho chị H. Ông H1 đại diện gia đình chị H đã nhận số tiền này. Đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị H, ông H1 và bà G thì bị cáo T đều đồng ý bồi thường nhưng hiện tại do Tuấn đang bị tạm giam nên chưa có điều kiện để bồi thường.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 89E1-176.34 bị hư hỏng, ông H1 đã đem đi sửa chữa hết số tiền 2.640.000 đồng, ông H1 không yêu Tuấn phải trả cho ông H1 số tiền này.

Ngày 19/9/2018 T đã ký đề nghị cấp tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 2W011474539 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON để vay số tiền 33.000.000 đồng để mua chiếc xe máy nêu trên. Tính đến ngày 20/3/2019 T đã trả được cho HD SAISON số tiền 16.695.000 đồng. Sau đó, bà Trần Thị Th là mẹ đẻ của T đã trả cho HD SAISON số tiền T còn nợ là 23.457.000 đồng. Công ty HD SAISON không có yêu cầu đề nghị gì với Tuấn về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 23.457.000 đồng bà Thủy thay T trả cho Công ty HD SAISON và số tiền 35.000.000 đồng bà Th trả cho ông H1 để bồi thường thay cho bị cáo T, bà Thủy không yêu cầu Tuấn phải trả lại bà số tiền nêu trên.

Quá trình điều tra Trần Anh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 54/CT-VKS-TPHY ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Trần Anh T về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo điểm b, c khoản 2 điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và nhất trí bồi thường theo yêu cầu của chị H, ông H1 và bà G.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H1, bà G đề nghị HĐXX xử phạt bị Tuấn theo quy định của pháp luật. Đồng thời yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị H, ông H1, bà G tổng số tiền là 419.200.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên toàn bộ nội dung bản Cáo trạng; Áp dụng Điểm b, c khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/3/2019; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị H số tiền thu nhập bị mất và tiền tổn thất về tinh thần là 193.000.000 đồng, bồi thường cho ông H1 tiền chi phí điều trị cho chị H là 197.000.000 đồng và tiền bị mất thu nhập trong thời gian điều trị, chăm sóc cho chị H là 25.000.000 đồng, bồi thường cho bà G tiền bị mất thu nhập trong thời gian điều trị, chăm sóc cho chị H là 34.200.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 419.200.000 đồng; Nếu bị cáo không thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật hình sự; Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX cho bảo thủ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 89E1-176.34 của bị cáo T để đảm bảo thi hành án, trả lại bị cáo T 01 Giấy phép lái xe hạng Aa1 số 330183607984; Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 20.768.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 09/01/2019 tại Km số 33 + 700 quốc lộ 39A đường NVL, phường HN, thành phố H, Trần Anh T (có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định) trước đó đã uống rượu có nồng độ etanol trong máu là 89,3952 mg/100mL (vượt quá mức quy định) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 89B1-722.65 không đảm bảo an toàn về tốc độ và khoảng cách với xe đi phía trước và đã đâm vào đuôi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 89E1-176.34 do chị Bô Thị H đi cùng chiều, chạy liền trước xe của Tuấn. Hậu quả khiến cho chị H bị ngã xuống đường chấn thương sọ não và đa chấn thương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên cho chị H là 95 %. Sau khi gây tai nạn, T đã điều khiển xe mô tô biển số 89B1-722.65 bỏ trốn khỏi hiện trường nhằm trốn tránh trách nhiệm.

Hành vi của Trần Anh T uống rượu có nồng độ Etanol trong máu cao hơn mức quy định vẫn điều khiển xe mô tô, biển số 89B1-722.65 không đảm bảo tốc độ và khoảng cách an toàn với xe phía trước gây tai nạn, sau khi gây tai nạn tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy đã vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8; khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 38 Luật giao thông đường bộ. Thương tích bị cáo gây ra cho chị H là 95%. Do vậy hành vi nêu trên của Trần Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm b, c khoản 2 điều 260 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến sức khỏe của công dân. Bị cáo đã uống rượu nhưng vẫn điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đã thể hiện ý thức coi thường pháp luật và để xảy ra tai nạn gây hậu quả nghiêm trọng, sau khi gây tai nạn bị cáo không giúp đỡ đưa người bị tai nạn đi cấp cứu mà còn điều khiển phương tiện bỏ trốn thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng cho bị

cáo một mức hình phạt thoả đáng buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo có điều kiện cải tạo giáo dục bản thân trở thành một người công dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của bị cáo không liên quan nghề nghiệp, công việc của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị H yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị H số tiền 63.000.000 đồng tiền chị H bị mất thu nhập trong 09 tháng điều trị thương tích và số tiền 100.000.000 đồng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần. Ông Bô Văn H1 yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho ông H1 số tiền 232.000.000 đồng tiền chi phí điều trị cho chị H và số tiền 25.000.000 đồng là thu nhập của ông H1 bị mất trong 05 tháng chăm sóc cho chị H. Bà Đào Thị Hồng G yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 34.200.000 đồng tiền bà G bị mất thu nhập trong 09 tháng chăm sóc cho chị H. Bị cáo T đã tác động đến gia đình và được bà Trần Thị Thuỷ bồi thường hộ số tiền 35.000.000 đồng tiền điều trị thương tích cho chị H. Bị cáo T nhất trí theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét đây là sự tự nguyện của bị cáo nên được chấp nhận. Do vậy bị cáo phải bồi thường cho chị H số tiền 163.000.000 đồng, bồi thường cho ông H1 số tiền 197.000.000 đồng và bồi thường cho bà G số tiền 34.200.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T phải bồi thường là 419.200.000 đồng.

[9] Về biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 89E1-176.34 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là chủ sở hữu, ông H1 là bố đẻ chị H đã nhận thay và không có yêu cầu đề nghị gì khác nên không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 89B1-722.65 là xe mô tô của bị cáo T, bị cáo sử dụng hàng ngày làm phương tiện tham gia giao thông nên sẽ trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo T có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại cho chị H và gia đình chị H nhưng bị cáo chưa thực hiện xong, mặt khác bị cáo có quan điểm đề nghị bán chiếc xe nêu trên để lấy tiền bồi thường thiệt hại nên sẽ cho bảo thủ chiếc xe mô tô nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 330183607984 của bị cáo Trần Anh T, do bị cáo T không bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc nhất định nên cần trả lại giấy phép lái xe nêu trên cho bị cáo T khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng Điểm b, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Anh T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/3/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Anh T phải bồi thường cho chị Bồ Thị H tiền thu nhập bị mất và tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 163.000.000 đồng; Bồi thường cho ông Bồ Văn H1 tiền chi phí chữa bệnh cho chị H và tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị, chăm sóc cho chị H là 197.000.000 đồng; Bồi thường cho bà Đào Thị Hồng G tiền bị mất thu nhập trong quá trình điều trị, chăm sóc cho chị H là 34.200.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T phải bồi thường cho chị H, ông H1, bà G là 419.200.000đ (*Bốn trăm mười chín triệu hai trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày chị H, ông H1 và bà G có đơn thi hành án về khoản tiền bồi thường nêu trên, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu bị cáo T không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Trả lại bị cáo Trần Anh T 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 330183607984 mang tên Trần Anh T khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trả lại bị cáo Trần Anh T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 89B1-722.65 nhưng cho bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Trần Anh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 20.768.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cộng bằng 20.968.000đ (*Hai mươi triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng*) án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo T, người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan ông H1, bà G và bà Thủy được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp H;
- Công an Tp H;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp H;
- Lưu hồ sơ án phạt nhân thân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý